

CÔNG KHAI
THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN
VIÊN TRƯỜNG THPT ĐỨC HỢP

Năm học 2025 – 2026

(Kèm theo Quyết định số 211 /QĐ-THPTĐH ngày 23 tháng 6 năm 2026 của Hiệu trưởng trường THPT Đức Hợp)

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Kết quả bồi dưỡng hàng năm		Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Số lượng	Tỷ lệ	Tốt	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số GV, CBQL và NV	54	0	15	39	0	0	0	52	96.2	40	11	0	0
I	Giáo viên Trong đó số giáo viên dạy môn:	48	0	12	0	0	0	0	48	100	27	11	0	0
1	Toán	6	0	3	3	0	0	0	6	100	4	2	0	0
2	Vật lý	3	0	2	1	0	0	0	3	100	3	0	0	0
3	Hóa học	3	0	2	1	0	0	0	3	100	2	1	0	0
4	Sinh học	2	0	0	2	0	0	0	2	100	1	1	0	0
5	Tin học	3	0	0	3	0	0	0	3	100	2	1	0	0
6	Ngữ văn	7	0	4	3	0	0	0	7	100	6	1	0	0
7	Lịch sử	4	0	0	4	0	0	0	4	100	3	1	0	0
8	Địa lý	2	0	1	1	0	0	0	2	100	2	0	0	0
9	GDKT&PL	3	0	0	3	0	0	0	3	100	3	0	0	0
10	NN	6	0	1	5	0	0	0	6	100	4	2	0	0
11	CN	2	0	1	1	0	0	0	2	100	2	0	0	0
12	GDTC	5	0	0	5	0	0	0	5	100	4	1	0	0
13	GDQP&AN	2	0	0	2	0	0	0	2	100	1	1	0	0
II	Cán bộ quản lý													
1	Hiệu trưởng	1	0	1	0	0	0	0	1	100	1	0	0	0
2	Phó hiệu trưởng	2	0	2	0	0	0	0	2	100	2	0	0	0
III	Nhân viên													
1	Văn thư	1	0	0	1	0	0	0						
2	Kế toán	1	0	0	0	0	1	0						
3	Thủ quỹ	0	0	0	0	0	0	0						
4	Nhân viên y tế	0	0	0	0	0	0	0						
5	Thư viện	1	0	0	0	0	1	0						

CÔNG KHAI
THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TÀI LIỆU HỌC TẬP SỬ DỤNG
CHUNG TRƯỜNG THPT ĐỨC HỢP

Năm học 2025 – 2026

(Kèm theo Quyết định số 211 /QĐ-THPTĐH ngày 23 tháng 6 năm 2026 của Hiệu trưởng trường THPT Đức Hợp)

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân/đối sánh với yêu cầu tối thiểu
I	Số phòng học	25	
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	25	Đạt yêu cầu
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ	0	
5	Số phòng học bộ môn	8	Đạt yêu cầu
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	
7	Bình quân lớp/phòng học	1/1	Đạt yêu cầu
8	Bình quân học sinh/lớp	44.2	Đạt yêu cầu
III	Số điểm trường	1	
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	11.319	10.84 m ² /1 học sinh (Đạt yêu cầu)
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	5000	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	1242	Đạt yêu cầu
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	518	Đạt yêu cầu
3	Diện tích thư viện (m ²)	128	Đạt yêu cầu
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	500	Đạt yêu cầu
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	48/48	Đạt yêu cầu
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	3	
1.1	Khối lớp 10	1	Đạt yêu cầu
1.2	Khối lớp 11	1	Đạt yêu cầu
1.3	Khối lớp 12	1	Đạt yêu cầu
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 10	0	
2.2	Khối lớp 11	0	
2.3	Khối lớp 12	0	
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	0	
4	Xưởng trường	1	Đạt yêu cầu
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập	90	Số học sinh/bộ 11.9

(Đơn vị tính: bộ)			
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	0	
2	Cát xét	5	
3	Đầu Video/đầu đĩa	5	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	2	
5	Thiết bị khác	50	
6		

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	9	Đạt yêu cầu
2	Cát xét	5	Đạt yêu cầu
3	Đầu Video/đầu đĩa	5	Đạt yêu cầu
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	2	Đạt yêu cầu
5	Thiết bị khác...	50	Đạt yêu cầu
..		

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	0
XI	Nhà ăn	30

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	0
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	x		x		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	Điện lưới	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

XX. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong trường đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được nhà trường lựa chọn, sử dụng theo quy định của pháp luật

1. Danh mục sách giáo khoa lớp 10 sử dụng trong trường đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt

STT	Tên sách	NXB
MÔN HỌC BẮT BUỘC		
1	Ngữ văn 10, tập một (Cánh diều)	ĐH Huế

	Ngữ văn 10, tập hai (Cánh diều)	ĐH Huế
2	Toán 10 tập một (Cánh diều)	ĐH SP
	Toán 10 tập hai (Cánh diều)	ĐH SP
3	Giáo dục thể chất 10 - Cầu lông (KNTT)	NXBGD
	Giáo dục thể chất 10 - Bóng chuyền (KNTT)	NXBGD
4	Hoạt động TN, Hướng nghiệp 10 Bản 1 (Chân trời ST)	NXBGD
5	Giáo dục quốc phòng và an ninh 10 (Cánh diều)	ĐHSP
6	Tiếng Anh 10 (NXBGDVN)	NXBGD
7	Chuyên đề học tập - Toán 10 (Cánh diều)	ĐH SP
8	Chuyên đề học tập Ngữ văn 10 (Cánh diều)	ĐH Huế
9	Lịch sử (KNTT)	NXBGD
10	Chuyên đề học tập Lịch Sử 10 (KNTT)	NXBGD
MÔN HỌC LỰA CHỌN		
Nhóm môn - Khoa học tự nhiên		
1	Vật lí 10 (Cánh diều)	ĐHSP
	Chuyên đề học tập Vật lí 10 (Cánh diều)	ĐHSP
2	Hóa học 10 (Cánh diều)	ĐHSP
	Chuyên đề học tập Hóa học 10 (Cánh diều)	ĐHSP
3	Sinh học 10 (KNTT)	NXBGD
	Chuyên đề học tập Sinh học 10 (KNTT)	NXBGD
Nhóm môn - Khoa học xã hội		
1	Địa lí 10 (KNTT)	NXBGD
	Chuyên đề học tập Địa lí 10 (KNTT)	NXBGD
2	Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10 (KNTT)	NXBGD
	Chuyên đề học tập Giáo dục KT và Pháp luật 10 (KNTT)	NXBGD
Nhóm môn - Công nghệ và Nghệ thuật		
1	Tin học 10 (KNTT)	NXBGD
	Chuyên đề học tập Tin học 10 – Định hướng Tin học ứng dụng (KNTT)	NXBGD

2	Công nghệ 10 – Thiết kế và Công nghệ (KNTT)	NXBGD
---	---	-------

2. Danh mục sách giáo khoa lớp 11 sử dụng trong trường đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt

STT	Tên sách	NXB
MÔN HỌC BẮT BUỘC		
1	Ngữ văn 11, tập một (Cánh diều)	ĐH Huế
	Ngữ văn 11, tập hai (Cánh diều)	ĐH Huế
2	Toán 11 tập một (Kết nối tri thức với cuộc sống)	NXBGD
	Toán 11 tập hai (Kết nối tri thức với cuộc sống)	NXBGD
3	Giáo dục thể chất 11 - Cầu lông (KNTT)	NXBGD
	Giáo dục thể chất 11 - Bóng chuyền (KNTT)	NXBGD
4	Hoạt động TN, Hướng nghiệp 11 Bản 1 (Chân trời ST)	NXBGD
5	Giáo dục quốc phòng và an ninh 11 (Nguyễn Thiện Minh, Hướng Xuân Thạch (Đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Trọng Dân (Chủ biên), Hoàng Tuấn Anh, Hoàng Lê Nam, Nguyễn Thanh Sơn, Lương Hồng Sinh)	ĐHSP
6	Tiếng Anh 11 (Global Success)	NXBGD
7	Chuyên đề học tập - Toán 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	NXBGD
8	Chuyên đề học tập Ngữ văn 11 (Cánh diều)	ĐH Huế
9	Lịch Sử 11 (KNTT)	NXBGD
10	Chuyên đề học tập Lịch Sử 11 (KNTT)	NXBGD
MÔN HỌC LỰA CHỌN		
Nhóm môn - Khoa học tự nhiên		
1	Vật lí 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	NXBGD
	Chuyên đề học tập Vật lí 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	NXBGD
2	Hóa học 11 (Cánh diều)	ĐHSP
	Chuyên đề học tập Hóa học 11 (Cánh diều)	ĐHSP
3	Sinh học 11 (KNTT)	NXBGD

	Chuyên đề học tập Sinh học 11 (KNTT)	NXBGD
	Nhóm môn - Khoa học xã hội	
1	Địa lí 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	NXBGD
	Chuyên đề học tập Địa lí 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	NXBGD
2	Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 11 (KNTT)	NXBGD
	Chuyên đề học tập Giáo dục KT và Pháp luật 11 (KNTT)	NXBGD
	Nhóm môn - Công nghệ và Nghệ thuật	
1	Tin học 11 (KNTT)	NXBGD
	Chuyên đề học tập Tin học 11 – Định hướng Tin học ứng dụng (KNTT)	NXBGD
2	Công nghệ 11 – Thiết kế và Công nghệ (KNTT)	NXBGD

3. Danh mục sách giáo khoa lớp 12 sử dụng trong trường đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt

TT	Môn học/Hoạt động	Tên sách (tên bộ sách) (1)	Tác giả (Tổng Chủ biên/Chủ biên) (2)	Đơn vị xuất bản	Ghi chú
1	Ngữ văn 12	Ngữ Văn 12 (Cánh diều)	Lã Nhâm Thìn, Đỗ Ngọc Thống (đồng Tổng Chủ biên)	Công ty cổ phần đầu tư xuất bản – Thiết bị giáo dục Việt Nam (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Huế)	
	Chuyên đề học tập Ngữ văn 12	Chuyên đề học tập môn Ngữ văn 12 (Cánh diều)	Lã Nhâm Thìn, Đỗ Ngọc Thống (đồng Tổng Chủ biên)	Công ty cổ phần đầu tư xuất bản – Thiết bị giáo dục Việt Nam (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Huế)	
2	Toán 12	Toán 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên)	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
	Chuyên đề học tập Toán 12	Chuyên đề học tập Toán	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên)	Nhà xuất bản Giáo dục Việt	

		12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)		Nam	
3	Tiếng Anh 12	Tiếng Anh 12 Global Success (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên)	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
4	Giáo dục thể chất 12 - Bóng chuyền	Giáo dục thể chất 12 - Bóng chuyền (Bộ Kết nối tri thức với cuộc sống)	Trịnh Hữu Lộc (Tổng Chủ biên)	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
	Giáo dục thể chất 12- Bóng rổ	Giáo dục thể chất 12- Bóng rổ (Bộ Kết nối tri thức với cuộc sống)	Trịnh Hữu Lộc (Tổng Chủ biên)	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
	Giáo dục thể chất 12 - Bóng đá	Giáo dục thể chất 12 - Bóng đá (Bộ Kết nối tri thức với cuộc sống)	Trịnh Hữu Lộc (Tổng Chủ biên)	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
	Giáo dục thể chất 12 - Cầu lông	Giáo dục thể chất 12 - Cầu lông (Bộ Kết nối tri thức với cuộc sống)	Trịnh Hữu Lộc (Tổng Chủ biên)	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
5	Giáo dục kinh tế và pháp luật 12	Giáo dục kinh tế và pháp luật 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Minh Đuan, Trần Thị Mai Phương (đồng Chủ biên)	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
	Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp	Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế	Nguyễn Minh Đuan, Trần Thị Mai Phương	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	

	luật 12	và pháp luật 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	(đồng Chủ biên)		
6	Lịch sử 12	Lịch sử 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Minh Giang (Tổng chủ biên xuyên suốt)	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
	Chuyên đề học tập Lịch sử 12	Chuyên đề học tập Lịch sử 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Minh Giang (Tổng chủ biên xuyên suốt)	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
7	Địa lí 12	Địa lí 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huỳnh (Tổng Chủ biên)	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
	Chuyên đề học tập Địa lí 12	Chuyên đề học tập Địa lí 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huỳnh (Tổng Chủ biên)	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
8	Vật lí 12	Vật lí 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên)	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
	Chuyên đề học tập Vật lí 12	Chuyên đề học tập Vật lí 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên)	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
9	Hóa học 12	Hóa học 12 (Cánh diều)	Trần Thành Huế (Tổng Chủ biên)	Công ty cổ phần đầu tư xuất bản – Thiết bị giáo dục Việt Nam (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Huế)	
	Chuyên đề học tập Hóa học 12	Chuyên đề học tập Hóa	Trần Thành Huế (Tổng Chủ biên)	Công ty cổ phần đầu tư xuất bản	

		học 12 (Cánh điều)		– Thiết bị giáo dục Việt Nam (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Huế)	
10	Sinh học 12	Sinh học 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Văn Lập (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên)	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
	Chuyên đề học tập Sinh học 12	Chuyên đề học tập Sinh học 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Văn Lập (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên)	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
11	Tin học 12, Định hướng Tin học ứng dụng	Tin học 12, Định hướng Tin học ứng dụng (Bộ Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Thế Long (Tổng Chủ biên)	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
	Tin học 12, Định hướng Khoa học máy tính	Tin học 12, Định hướng Khoa học máy tính (Bộ Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Thế Long (Tổng Chủ biên)	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
	Chuyên đề học tập Tin học 12, Định hướng Khoa học máy tính	Chuyên đề học tập Tin học 12, Định hướng Khoa học máy tính (Bộ Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Thế Long (Tổng Chủ biên)	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
	Chuyên đề học tập Tin học 12, Định hướng Tin học ứng dụng	Chuyên đề học tập Tin học 12, Định hướng Tin học ứng dụng (Bộ Kết nối tri thức với	Phạm Thế Long (Tổng Chủ biên)	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	

		cuộc sống)			
12	Công nghệ 12, Công nghệ Điện – Điện tử	Công nghệ 12, Công nghệ Điện – Điện tử (Bộ Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên)	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
	Chuyên đề học tập Công nghệ 12, Công nghệ Điện – Điện tử	Chuyên đề học tập Công nghệ 12, Công nghệ Điện – Điện tử (Bộ Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên)	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
13	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 12	Hoạt động trải nghiệm , hướng nghiệp 12 (Chân trời sáng tạo 1)	Đinh Thị Kim Thoa (Tổng chủ biên)	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
14	Giáo dục quốc phòng và an ninh 12	Giáo dục quốc phòng và an ninh 12(<i>Cánh Điều</i>)	<i>Nguyễn Thiện Minh (Tổng Chủ biên)</i>	<i>Nhà xuất bản Đại học sư phạm.</i>	

CÔNG KHAI
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG
TRƯỜNG THPT ĐỨC HỢP

Năm học 2025 – 2026

(Kèm theo Quyết định số 211/QĐ-THPTĐH ngày 23 tháng 6 năm 2026 của Hiệu trưởng trường THPT Đức Hợp)

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục: Cấp độ 3, chuẩn quốc gia mức độ 2

2. Kế hoạch cải tiến chất lượng

IV. NỘI DUNG KẾ HOẠCH CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

TT	Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả cần đạt (so với hiện trạng)	Công việc/giải pháp cần thực hiện	Chủ trì và phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện và hoàn thành	Dự kiến kinh phí	Điều kiện hỗ trợ khác	Ghi chú
MỨC 1, 2, 3								
1	Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường							
	Tiêu chí 1.1	Triển khai công tác xã hội hóa giáo dục một cách thực chất, đúng quy định để có thể huy động tối đa nguồn lực trong xã hội nhằm tăng cường cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động dạy và học.	- Xây dựng Kế hoạch xã hội hóa giáo dục hàng năm. - Tiếp xúc, tìm hiểu các doanh nghiệp trên địa bàn, các cựu học sinh thành đạt, các phụ huynh có điều kiện kinh tế.	Ban giám hiệu.	Từ năm học 2025-2026			
	Tiêu chí 1.2	Xây dựng kế hoạch hoạt động của các hội đồng đặc biệt là hội đồng Thi đua khen thưởng cụ thể hơn nữa. Định kì rà soát chi tiết, cụ thể hoạt động của các hội đồng trong nhà trường.		Ban giám hiệu, thành viên các hội đồng.	Từ năm học 2025-2026			

	Tiêu chí 1.3	Hài hòa các nội dung chuyên môn và nội dung công tác đảng trong các buổi sinh hoạt chi bộ hàng tháng.	Ban chi ủy và BGH sẽ phối hợp, thảo luận kỹ để hài hòa các nội dung chuyên môn và nội dung công tác đảng trong các buổi sinh	Ban chi ủy và Ban giám hiệu.	Từ năm học 2025-2026.			
	Tiêu chí 1.4	Tổ trưởng một số tổ chuyên môn chưa có nhiều các chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục tích cực học tập các tổ đã thực hiện các chuyên đề thường xuyên, hiệu quả để triển khai thực hiện các chuyên đề chuyên môn một cách đồng đều, hiệu quả.	Ban chuyên môn tổ chức các buổi hội thảo, tập huấn cho các tổ trưởng và tổ viên các tổ chuyên môn chưa có nhiều các chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục.	Ban chuyên môn, thành viên tổ chuyên môn KHTN	Từ năm học 2025-2026.			
	Tiêu chí 1.5	Đảm bảo mỗi lớp không quá 40 học sinh.	Khi xếp lớp, Hiệu trưởng nhà trường sẽ chú ý đến sĩ số để đảm bảo mỗi lớp không quá 40 học sinh.	Hiệu trưởng.	Từ năm học 2025-2026.			
	Tiêu chí 1.6	Tăng cường công tác bảo quản, vệ sinh các thiết bị, đồ dùng.	- Nhân viên phụ trách thiết bị, đồ dùng tăng cường công tác bảo quản, vệ sinh các thiết bị, đồ dùng. - BGH nhà trường sẽ tích cực tuyên truyền về ý thức giữ gìn tài sản trong các phòng học,	Nhân viên phụ trách thiết bị, đồ dùng; Hiệu trưởng.	Từ năm học 2025-2026.			

			các phòng chức năng, phòng làm việc đến cán bộ, giáo viên, nhân viên trong các cuộc họp HĐGD hoặc các buổi sinh hoạt lớp, chào cờ đầu tuần.					
Tiêu chí 1.7	Nâng cáo công tác tự bồi dưỡng của giáo viên.	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường kiểm tra giám sát công tác tự bồi dưỡng của giáo viên. - Tạo điều kiện tối đa cho giáo viên tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn hoặc học cao học để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. 	BGH, tổ trưởng các tổ chuyên môn, giáo viên.	Từ năm học 2025-2026.				
Tiêu chí 1.8	Xây dựng cơ chế quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm ngoài nhà trường phù hợp, hiệu quả.	<ul style="list-style-type: none"> - Tích cực tuyên truyền các quy định về dạy thêm, học thêm, nhất là dạy thêm, học thêm bên ngoài nhà trường đến giáo viên và học sinh. - Tiếp tục tham mưu với Sở GD - ĐT Hưng Yên để xây dựng cơ chế quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm ngoài nhà trường phù hợp, hiệu quả. 	Ban giám hiệu.	Từ năm học 2025-2026.				
Tiêu chí	Động viên được 100% cán bộ,	- Xây dựng cơ chế phù hợp để	Ban giám	Từ năm học				

	1.9	giáo viên, nhân viên tích cực đóng góp ý kiến bằng hình thức trao đổi trực tiếp hoặc bằng văn bản.	động viên được 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên tích cực đóng góp ý kiến bằng hình thức trao đổi trực tiếp hoặc bằng văn bản. - Lãnh đạo câu thị, tiếp thu ý kiến của cán bộ, giáo viên, nhân viên.	hiệu, Ban chấp hành Công đoàn.	2025-2026.			
	Tiêu chí 1.10	Tổ chức nhiều buổi truyền thông đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai.	- Xây dựng kế hoạch phối hợp hàng năm với Công an huyện, TTYT huyện. - Chỉ đạo Đoàn trường tổ chức Chương trình Sân khấu học đường với các tiêu phẩm mang nội dung truyền thông đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai.	Ban giám hiệu, Ban chấp hành Công đoàn, Ban chấp hành Đoàn trường.	Từ năm học 2025-2026.			
	2	Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên						
	Tiêu chí 2.1	Nâng cao trình độ ngoại ngữ của tập thể BGH nhà trường.	- Động viên các cá nhân trong BGH tích cực, chủ động học tập để nâng cao trình độ ngoại ngữ.	Ban giám hiệu.	Từ năm học 2025-2026.			

	Tiêu chí 2.2	T Tạo điều kiện tối đa cho giáo viên tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn hoặc học cao học để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.	- Tạo điều kiện tối đa cho giáo viên tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn hoặc học cao học để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.	Ban giám hiệu.	Từ năm học 2025-2026.			
	Tiêu chí 2.4	Chỉ đạo quyết liệt trong công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về an toàn giao thông đến từng học sinh.	- Chỉ đạo Đoàn trường thành lập đội tự quản để kiểm tra, nhắc nhở học sinh trên các tuyến đường từ nhà đến trường và từ trường về nhà. - Thành lập Đài phát thanh Đoàn trường để tuyên truyền pháp luật nói chung, pháp luật về an toàn giao thông nói riêng. - Phối hợp với Công an các xã trên địa bàn và đội cảnh sát giao thông công an huyện Kim Động để tuyên truyền hoặc xử lý học sinh vi phạm luật giao thông.	Ban giám hiệu, Ban Chấp hành Đoàn trường.	Từ năm học 2025-2026.			
3	Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học							

	Tiêu chí 3.3	Mua sắm bổ sung, nâng cấp kịp thời máy tính, máy in, sửa chữa máy photocopy.	Hàng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch mua sắm bổ sung, nâng cấp kịp thời máy tính, máy in, sửa chữa máy photocopy.	Ban giám hiệu, kế toán.	Từ năm học 2025-2026.			
	Tiêu chí 3.5	Mua sắm bổ sung đồ dùng các môn học trong các năm học tiếp theo, tiếp tục phát động giáo viên tự làm đồ dùng dạy học, đưa vào tiêu chí đánh giá thi đua hàng năm. Yêu cầu nhân viên thiết bị sắp xếp đồ dùng, thiết bị khoa học hơn, đặc biệt các đồng chí giáo viên phụ trách các phòng bộ môn Lý, Hóa, Sinh thường xuyên lau chùi dụng cụ thực hành, thí nghiệm thuận lợi cho việc sử dụng kiểm kê.	- Tổ chức Hội thi tự làm đồ dùng, thiết bị dạy hội trong giáo viên. - Đánh giá, nhận xét hiệu quả sử dụng phòng học bộ môn, thiết bị, hóa chất trong các cuộc họp HĐGD hàng tháng.	Ban giám hiệu, kế toán, nhân viên thiết bị.	Từ năm học 2025-2026.			
4	Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội							
	Tiêu chí 4.1	Nâng cao nhận thức của cha mẹ học sinh về vai trò của việc phối hợp giáo dục giữa gia đình, nhà trường và xã hội.	- Nhà trường tiếp tục tạo mọi điều kiện cho Ban đại diện cha mẹ học sinh trường, lớp thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ,	Ban giám hiệu; Ban đại diện CMHS.	Từ năm học 2025-2026.			

			<p>quyền, trách nhiệm theo Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường các hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cha mẹ học sinh về vai trò của việc phối hợp giáo dục giữa gia đình, nhà trường và xã hội. Làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục nhằm thu hút sự quan tâm của toàn xã hội đối với giáo dục, trong đó có cha mẹ học sinh. - Tổ chức các hoạt động tập huấn về Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của ban đại diện các lớp. 					
	Tiêu chí 4.2	Tiếp tục làm tốt công tác xã hội hoá giáo dục, tranh thủ sự ủng hộ của các tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp, cá nhân hảo tâm để xây dựng CSVC và tổ chức các hoạt động của nhà trường.		Ban giám hiệu, các thành viên hội đồng giáo dục nhà trường.	Từ năm học 2025-2026.			
5	Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục							
	Tiêu	Hàng năm tổ	- Xây dựng Kế	Ban	Từ năm			

chí 5.1	chức bồi dưỡng về thực hiện chuyên đề đổi mới phương pháp dạy học và ứng dụng công nghệ thông tin ở các tổ, nhóm chuyên môn nhiều hơn nữa để nâng cao chất lượng giảng dạy của giáo viên.	hoạch tổ chức các cuộc hội thảo chuyên môn cho từng năm học. - Động viên, khuyến khích cán bộ, giáo viên tham gia các khóa học ngắn hạn để đổi mới phương pháp dạy học và ứng dụng công nghệ thông tin.	giám hiệu, các tổ chuyên môn, các thành viên hội đồng giáo dục nhà trường.	học 2025-2026.			
Tiêu chí 5.2	Giúp đỡ học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện khoa học hơn, cụ thể hơn.	Xây dựng kế hoạch giúp đỡ học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện khoa học hơn, cụ thể hơn ngay từ đầu năm học.	Ban giám hiệu; Ban chuyên môn.	Từ năm học 2025-2026.			
Tiêu chí 5.3	Nghiêm túc thực hiện rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương cho phù hợp với sự phát triển của đại phương.		Ban chuyên môn, tổ trưởng tổ Sử - Địa - GDCD, giáo viên các môn Lịch sử, Địa lý.	Từ năm học 2025-2026.			
Tiêu chí 5.4	Xây dựng và thực hiện hồ sơ hướng nghiệp đảm bảo khoa học, phù hợp hơn.	- Hàng năm chỉ đạo giáo viên tích cực tập huấn về nội dung giáo dục hướng nghiệp, hoạt động trải nghiệm mà cấp trên tổ chức. - Thường xuyên	Các giáo viên được phân công giảng dạy nội dung giáo dục hướng	Từ năm học 2025-2026.			

			kiểm tra hồ sơ hướng nghiệp .	nghiep, hoạt động trải nghiệm mà cấp trên tổ chức				
Tiêu chí 5.5	Trong các năm học tiếp theo, lãnh đạo nhà trường có kế hoạch chú ý đầu tư hơn nữa trong việc tổ chức chuyên đề giáo dục về giới tính, tình yêu, hôn nhân, gia đình phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi học sinh THPT.	Cử giáo viên có năng lực học lớp bồi dưỡng tư vấn tâm lý do Sở GD-ĐT Hưng Yên tổ chức.	Ban giám hiệu, tổ Tư vấn tâm lý học đường.	Từ năm học 2025-2026.				
Tiêu chí 5.6	Đẩy mạnh hoạt động của câu lạc bộ Tiếng Anh hàng tháng.	- Thành lập CLB Tiếng Anh từ đầu năm học. - Tạo điều kiện để CLB được giao lưu với các CLB khác.	Ban giám hiệu, tổ Ngoại ngữ, Ban chủ nhiệm lạc bộ Tiếng Anh.	Từ năm học 2025-2026.				
MỨC 4								
Tiêu chí 1	Nâng cao trình độ ngoại ngữ, tin học, ứng dụng công nghệ thông tin vào học tập, trao đổi, từng bước xây dựng nhà trường ngày càng phát triển.							
Tiêu chí 2	Nhà trường tiếp tục tìm nguồn đầu tư thêm cơ sở vật chất cao hơn							

		và đầu tư vào chuyên môn, thuê các chuyên gia về các bộ môn năng khiếu để tạo điều kiện cho học sinh năng khiếu phát huy được khả năng của mình.						
	Tiêu chí 3	Nhà trường tiếp tục tuyên truyền rộng rãi, đầu tư thêm các nguồn lực hướng dẫn giúp đỡ các em học sinh tích cực tham gia tạo thành các phong trào thi đua sôi nổi.						
	Tiêu chí 4	Nhà trường tiếp tục tìm nguồn để tăng cường mua bổ sung tài liệu truyền thống và CNTT cho phòng thư viện.						
	Tiêu chí 5	Nhà trường thường xuyên rà soát lại phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường đã đề ra xây dựng chiến lược sát với thực tế và quyết tâm thực hiện.						
	Tiêu chí 6	Nhà trường xây dựng kế hoạch, tiếp tục phấn đấu để giữ vững và đạt kết quả cao hơn về chất lượng cũng như các phong trào						

		hoạt động khác.						
--	--	-----------------	--	--	--	--	--	--

CÔNG KHAI
KẾ HOẠCH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC PHỔ THÔNG CỦA
TRƯỜNG THPT ĐỨC HỢP

Năm học 2025-2026

(Kèm theo Quyết định số 211/QĐ-THPTĐH ngày 23 tháng 6 năm 2026 của Hiệu trưởng trường THPT Đức Hợp)

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học

1.1. Kế hoạch tuyển sinh

(Có văn bản đính kèm)

1.2. Kế hoạch giáo dục của nhà trường

(Có văn bản đính kèm)

1.3. Quy chế phối hợp giữa nhà trường với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh

(Có văn bản đính kèm)

1.4. Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh của nhà trường

(Có văn bản đính kèm)

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học

- Kết quả tuyển sinh: 395 học sinh
- Tổng số học sinh theo khối:
- + Khối 10: 396 (44 học sinh/ lớp)
- + Khối 11: 363 (45.35 học sinh/ lớp)
- + Khối 12: 346 (43.25 học sinh/ lớp)
- Số học sinh học 2 buổi/ ngày: 0
- Số học sinh nam/nữ: 563/542
- Học sinh là người dân tộc thiểu số: 3
- Học sinh khuyết tật: 1
- Số học sinh chuyển đi: 1
- Số học sinh chuyển đến: 6
- Kết quả đánh giá học sinh:

Về kết quả học tập	Tổng số HS	Tốt	Khá	Đạt	Chưa Đạt	Danh hiệu HSXS	Danh hiệu HSG
	1105	243 (21.99%)	513 (46.43%)	343 (31.04%)	06 (0.54%)	20(1.81%)	222(20.09%)

Về kết quả rèn luyện	Tổng số HS	Tốt	Khá	Đạt	Chưa Đạt
	1105	921 (83.35%)	153(13.85%)	20(1.81%)	11(1%)

- Số lượng học sinh lên lớp: 1088
- Số lượng học sinh không được lên lớp (Thi lại hoặc rèn luyện lại trọng hè): 17
- Số học sinh được công nhận hoàn thành chương trình: 362
- Số học sinh được công nhận tốt nghiệp: Chưa có kết quả.
- Số học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp: Chưa có kết quả.
- Số học sinh trúng tuyển đại học: Chưa có kết quả.

